

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/HNGĐ- ST
Ngày : 28-9-2017
V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tài

2. Ông Nguyễn Ry

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hà Vi- Thư ký Tòa án nhân dân Huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2017/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nông Thị H**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 78 đường T, phường 14, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Anh **Nông Văn Q**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Công ty cổ phần cao su B- Thôn 3, xã Lộc B, huyện B, tỉnh Lâm Đồng
Chị H, anh Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nông Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nông Văn Q chung sống với nhau từ tháng 01/2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng ngày 23/12/2005 và sinh sống ở đây. Đến năm 2008 vợ chồng chuyển vào sinh sống và làm việc tại Công ty cổ phần cao su L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng được 01 năm thì vợ chồng sống ly thân đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008. Từ khi vào B sinh sống vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Lý do anh Q thường hay nhậu nhẹt và đánh đập chị H nhiều lần. Do không chịu nổi nên chị H đã đi xuống Thành Phố Hồ Chí Minh làm công nhân từ năm 2009 đến nay. Vợ chồng ly thân đã lâu không thể hàn gắn đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm chăm sóc nhau nên chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q.

Tại bản tự khai đề ngày 04/9/2017, anh Nông Văn Q trình bày: Anh Q và chị Nông Thị H chung sống với nhau từ năm 2002, vợ chồng có đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Tuy nhiên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay, lý do vợ chồng có cãi nhau và chị H đã tự ý bỏ đi. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Q cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh Q thống nhất trình bày quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên là Nông Quang L, sinh ngày 19/10/2005. Nay ly hôn chị H đồng ý giao con cho anh Q nuôi con đến khi đủ 18 tuổi và không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q trình bày nguyện vọng được nuôi con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H và anh Q thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh Q thống nhất trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/9/2017 nhưng không được vì lý do chị H có mặt, có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải vụ án, anh Q có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên họp về chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có thay đổi gì về nội dung khởi kiện và lời trình bày trước đây tại Tòa án.

Kết thúc phần tranh luận, do Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm không tham gia phiên tòa nên không có bài phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị Nông Thị H và anh Nông Văn Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị H và anh Nông Văn Q chung sống với nhau từ năm 2002, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng ngày 23/12/2005. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Chị H trình bày anh Q thường xuyên nhậu nhẹt và đánh đập chị H nhiều lần nên chị H đã bỏ đi xuống Thành Phố Hồ Chí Minh làm công nhân đến nay. Còn anh Q trình bày có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, có cãi vã nhau và chị H đã tự ý bỏ nhà đi từ năm 2009. Nay chị H yêu cầu ly hôn và anh Q cũng đồng ý. Xét hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm chăm sóc nhau, không làm ăn kinh tế chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng chị H có mặt, ông Quyền vắng mặt nên không có thiện chí đoàn tụ với nhau. Cả chị H và anh Q đều vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chị H và anh Q được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Xét lời khai của chị H và anh Q, căn cứ bản sao giấy khai sinh chị H xuất trình cho Tòa án thì hai người có một con chung là Nông quang L, sinh ngày 23/12/2005. Xem xét nguyện vọng nuôi con của anh Q, hiện nay anh Q là người đang trực tiếp và có đủ điều kiện nuôi con. Nay chị H cũng đồng ý giao con cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời cháu L cũng có đơn đề nghị được ở với bố. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các Điều 70, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là Nông quang L, sinh ngày 23/12/2005 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ và đúng pháp luật. Anh Q không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh Q trình bày không có tài sản chung và không có yêu cầu gì nên không đề cập đến

Về nợ chung: Chị H và anh Q trình bày không có nợ chung và không có yêu cầu gì nên không đề cập đến.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Nông Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị H đối với anh Nông Văn Q về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị H và anh Nông Văn Q được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Nông quang L, sinh ngày 23/12/2005 cho anh Nông Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh Q không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

“*Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình*”.

3. Về án phí: Buộc chị Nông Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai nộp tiền số AA/2015/0004817 ngày 31/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã N, huyện H,
Tỉnh Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bích Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trà

Phan Thị Hà

Dư Thành Trung

